

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2020/DS-PT

Ngày: 15-9-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Văn Quán

2. Bà Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 385/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2020/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Phạm Thị TN, sinh năm 1980.

2. Ông Ngô VN, sinh năm 1977.

Cùng cư trú: ấp TL, xã NN, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: 1. Bà Trịnh TB, sinh năm: 1969.

2. Ông Huỳnh VT, sinh năm: 1969.

Cùng cư trú: ấp TC A, xã NN, huyện T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bà Trịnh TB, ông Huỳnh VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Ngô VN và bà Phạm Thị TN trình bày: Ngày 18/12/2018 vợ chồng bà cho bà B và ông T vay số tiền 486.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng và bà B hẹn hàng tháng trả lãi 01 lần, nhưng bà B không trả. Bà đến nhà bà B nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà B

không thực hiện. Nay ông bà yêu cầu bà B, ông T có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc 486.000.000đồng và trả lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 18/12/2018 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Trịnh TB trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà TN, ông VN số tiền 486.000.000đồng, số tiền vay của bà TN về bà cho bà Bùi NB vay lại lấy lãi, chồng bà không biết. Nay bà đồng ý còn nợ bà TN, ông VN số tiền 486.000.000đồng và xin trả dần mỗi năm 100.000.000đồng, về phần tiền lãi bà xin không trả.

Bị đơn ông Huỳnh VT trình bày: Việc vợ ông là bà B vay mượn tiền của bà TN, ông VN thì ông không biết và bà TN chưa lần nào thỏa thuận với ông. Nên ông xác định bà B vay tiền bà TN đưa cho cô NB vay chứ không có dùng số tiền này để chi tiêu trong gia đình. Nay ông không đồng ý liên đới trả tiền gốc 486.000.000đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà TN.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: **42/2020/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020** của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị TN và ông Ngô VN.

Buộc bà Trịnh TB và ông Huỳnh VT có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị TN, ông Ngô VN số tiền 628.981.200đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 23/7/2020 bà Trịnh TB, ông Huỳnh VT kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Nguyên đơn bà Phạm Thị TN, ông Ngô VN trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn bà Trịnh TB trình bày: Bà thống nhất còn nợ bà TN số tiền gốc 486.000.000đồng, nhưng bà xin bà TN cho bà trả dần mỗi năm 100.000.000đồng cho đến khi hết nợ, xin không trả lãi. Ngoài ra khi bà mượn tiền của bà TN chồng bà là ông T không biết nên Tòa buộc ông T cùng liên đới trả nợ bà không đồng ý.

Ông Huỳnh VT trình bày: Bà B vay tiền của bà TN về cho bà B vay lại ông không biết số tiền vay này, bà B cũng không có đem tiền về sử dụng trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của bà Trịnh TB và ông Huỳnh VT thấy rằng: Bà B kháng cáo xin trả dần và xin không trả tiền lãi, ông T kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ cùng với bà TB. Kháng cáo của bà B và ông T không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B và ông VT. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trịnh TB, ông Huỳnh VT làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị TN và ông Ngô VN tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trịnh TB, ông Huỳnh VT nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Trịnh TB và ông Huỳnh VT thấy rằng: Bà B thừa nhận có vay của vợ chồng bà TN số tiền 486.000.000đồng chưa trả và số tiền này bà B vay để cho bà Bùi NB vay lại để lấy tiền lãi chênh lệch, việc vay tiền này bà B không cho ông T biết. Nay bà B đồng ý trả cho vợ chồng bà TN số tiền vay gốc là 486.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi năm là 100.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ. Xét thấy việc bà B xin trả dần số tiền nợ mỗi năm 100.000.000đồng nhưng phía vợ chồng bà TN không đồng ý và pháp luật cũng không quy định về trường hợp cho trả dần nên yêu cầu kháng cáo của bà B là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bà B xin không trả tiền lãi xét thấy: Bà B cũng thừa nhận và thống nhất số tiền lãi nhưng xin không trả tiền lãi, nhưng không được phía bà TN và ông VN đồng ý. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả lãi là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của bà B cũng không có cơ sở để xem xét nên không chấp nhận.

[5] Xét đối với yêu cầu kháng cáo của ông T không đồng ý liên đới trả nợ cho bà TN, ông VN: ông T trình bày bà B vay tiền của bà TN, ông VN ông không biết vì ông bận đi làm, ngoài ra bà B khi vay tiền không có đem tiền vay về sử

dụng chung trong gia đình, nên ông T không đồng ý liên đới trả tiền bà TN là không có cơ sở. Vì ông T trình bày ông và bà B kết hôn năm 1992 là hôn nhân hợp pháp, hai **người** còn sống chung nhà và không có mâu thuẫn tình cảm và ông làm nghề thợ hồ mỗi ngày thu nhập 300.000đồng mà một năm chỉ làm được khoảng 7 tháng. Đồng thời bà B khai nhận mức chi tiêu cho gia đình khoảng 5.000.000đồng/tháng và bản thân bà B không có việc làm nên không có khoảng thu nhập **nào khác, các con của ông T và bà B đã có gia đình ở riêng**. Ngoài ra theo lời khai bà Bùi TB tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2020, bà có vay tiền của bà B nhiều lần số tiền đến năm 2019 là 600.000.000đồng, với mức lãi suất mức từ 6 đến 9%/tháng. Mặc khác tại phiên tòa ông T trình bày khi bà TB đến nhà ông T thì ông T có nhắc bà TB trả tiền cho bà TB. Từ đó có cơ sở xác định bà B vay tiền bà TN, ông VN tuy ông T không ký tên tại biên nhận nợ ngày 18/12/2018 nhưng ông T biết số tiền này là bà B **vay về cho bà TB vay lại** để phát sinh lãi hàng tháng nhằm để phục vụ và phát triển kinh tế chung của gia đình, nên có căn cứ buộc ông T và bà B có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ cho bà TN, ông VN là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét đối với Quyết định áp dụng **biện pháp** khẩn cấp tạm thời Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 28/5/2020 của TAND huyện Tân Thạnh để đảm bảo thi hành án cho bà TN và ông VN nhưng tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên là chưa đầy đủ. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải bổ sung tại phần quyết định của bản án cho đầy đủ.

[7] Từ những căn cứ trên: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để xem xét nên không chấp nhận.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trịnh TB và ông Huỳnh VT kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh TB và ông Huỳnh VT.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 15/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị TN và ông Ngô VN.

1. Buộc bà Trịnh TB và ông Huỳnh VT phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị TN, ông Ngô VN số tiền 628.981.200đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh TB, ông Huỳnh VT phải chịu 29.159.250đồng.

Bà Phạm Thị TN, ông Ngô VN không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà TN, ông VN 14.154.800 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000898 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trịnh TB, ông Huỳnh VT mỗi người phải chịu 300.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà B, ông T đã nộp theo biên lai thu số 0001058, 0001059 cùng ngày 29 tháng 07 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phùng Thị Cẩm Hồng